

TT	Tên hàng hoá điều tra	Loại	Đơn vị tính	Giá bán (nghìn đồng)									Bình quân toàn tỉnh
				TP Thái Nguyên	Huyện Đồng Hỷ	Huyện Phú Lương	TP Sông Công	TP Phổ Yên	Huyện Phú Bình	Huyện Võ Nhai	Huyện Định Hoá	Huyện Đại Từ	
1	Gà (hơi)												
	Gà lông màu hơi	Loại 1	Kg	78	63	53	82	78	75	63	77	63	70
	Gà trắng	Loại 1	Kg	44	31	28	33	32		42	30	44	35
2	Vịt (hơi)	Loại 1	Kg	49	47	34	51	46	39	47	34	44	43
V	Trứng												
1	Trứng gà trang trại	Loại 1	Chục quả	29	27	17	32	35	30	35	30	25	29
2	Trứng vịt	Loại 1	Chục quả	29	29	21	35	30	32	35	35	30	31
VI	Thủy sản												
1	Cá chép > 1kg	Loại 1	Kg	62	62	62	61	62	62	71	64	63	63
2	Cá trắm cỏ > 1kg	Loại 1	Kg	64	67	72	73	72	63	65	68	70	68
VII	Chè búp khô (chè móc câu)	Loại 1	Kg	227	257	277	323	207	177	110	183	160	213

Qua kết quả điều tra, đánh giá cho thấy:

- Giá trung bình gạo tẻ thường và gạo nếp không thay đổi so với tháng 4
- Giá trung bình các loại rau giảm nhẹ
- Giá trung bình thịt lợn mỡ sấn là 102 nghìn đồng, tăng 4% so với tháng 4. Trong đó cao nhất là huyện Đồng Hỷ (113 nghìn đồng), thấp nhất là TP. Sông Công (82 nghìn đồng)
- Giá trung bình các loại trứng gà trang trại, trứng vịt thay đổi không đáng kể.
- Giá trung bình cá chép, trắm cỏ thay đổi không đáng kể.
- Giá chè búp khô trung bình 213 nghìn đồng (giảm 5% so với tháng 4). Trong đó giá chè cao nhất là TP. Sông Công (323 nghìn đồng) và thấp nhất là huyện Võ Nhai (110 nghìn đồng)

Thanh Vân - Tổng hợp